

CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG IDICO VINACONTROL

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 23

010
CÔNG
K
V
IN 3

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Kiểm định Xây dựng IDICO VINACONTROL trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Kiểm định Xây dựng IDICO VINACONTROL (gọi tắt là "Công ty") được thành lập tháng 02 năm 2008.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 4103009322 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hồ Chí Minh cấp ngày 02 tháng 02 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 13 tháng 05 năm 2009.

Trụ sở Công ty: Lầu 7, số 151 Ter Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3. TP. Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị	Ông Nguyễn Quốc Minh	Chủ tịch
	Ông Đoàn Văn Hùng	Thành viên
	Ông Nguyễn Văn Minh	Thành viên

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này:

Ban Giám đốc	Ông Đoàn Văn Hùng	Giám đốc
---------------------	-------------------	----------

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Đoàn Văn Hùng

Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 3 tháng 3 năm 2015

Số: 75/2015/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM/HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Kiểm định Xây dựng IDICO VINACONTROL

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Kiểm định Xây dựng IDICO VINACONTROL, được lập ngày 3 tháng 3 năm 2015, từ trang 5 đến trang 23, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không. Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Tiến Trình
Phó Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1806-2013-075-1
Thay mặt và đại diện

CHI NHÁNH CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM (TP. HÀ NỘI)

Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 3 tháng 3 năm 2015

Nguyễn Thị Minh Anh
Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1492-2013-075-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2014	01/01/2014
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		8.199.005.019	7.121.171.395
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	116.386.387	146.736.922
1. Tiền	111		110.386.387	146.736.922
2. Các khoản tương đương tiền	112		6.000.000	-
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	50.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	50.000.000
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.194.522.798	2.793.212.309
1. Phải thu khách hàng	131		2.716.801.409	2.303.764.506
2. Trả trước cho người bán	132		476.842.074	441.885.204
5. Các khoản phải thu khác	135		879.315	47.562.599
IV- Hàng tồn kho	140	5.2	3.294.501.234	2.460.902.564
1. Hàng tồn kho	141		3.294.501.234	2.460.902.564
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		1.593.594.600	1.670.319.600
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.3	1.593.594.600	1.670.319.600
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		1.372.474.474	1.048.169.294
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II Tài sản cố định	220		1.326.476.746	927.134.535
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.4	1.326.476.746	927.134.535
- Nguyên giá	222		2.319.349.332	1.852.202.667
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(992.872.586)	(925.068.132)
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		45.997.728	121.034.759
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		45.997.728	121.034.759
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		9.571.479.493	8.169.340.689

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2014	01/01/2014
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		5.869.372.690	4.474.868.945
I- Nợ ngắn hạn	310		5.698.117.963	4.474.868.945
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.5	341.662.000	-
2. Phải trả người bán	312		1.490.772.031	1.062.824.785
3. Người mua trả tiền trước	313		2.210.125.977	1.653.898.817
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.6	686.057.915	492.284.911
5. Phải trả người lao động	315		357.861.822	629.958.741
6. Chi phí phải trả	316	5.7	355.574.751	355.574.751
9. Các khoản phải trả, nộp khác	319	5.8	208.589.712	232.853.185
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		47.473.755	47.473.755
II- Nợ dài hạn	330		171.254.727	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		171.254.727	-
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		3.702.106.803	3.694.471.744
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.9	3.702.106.803	3.694.471.744
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		3.500.000.000	3.500.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		178.026.578	178.026.578
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		11.868.438	11.868.438
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		12.211.787	4.576.728
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		9.571.479.493	8.169.340.689

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 3 tháng 3 năm 2015

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Võ Thị Hà



Đoàn Văn Hùng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2014	Năm 2013
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.10	5.635.828.807	5.285.800.471
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.10	5.635.828.807	5.285.800.471
4. Giá vốn hàng bán	11	5.11	3.890.811.449	3.520.830.530
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		1.745.017.358	1.764.969.941
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.12	7.510.336	21.311.882
7. Chi phí tài chính	22	5.13	16.827.052	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		11.988.704	-
8. Chi phí bán hàng	24	5.14	291.444.509	164.146.000
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.15	1.446.323.084	1.493.434.005
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		(2.066.951)	128.701.818
11. Thu nhập khác	31	5.16	40.909.091	-
12. Chi phí khác	32	5.16	29.298.317	-
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		11.610.774	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		9.543.823	128.701.818
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.17	1.908.765	124.125.090
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		7.635.058	4.576.728
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.18	22	13

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 3 tháng 3 năm 2015

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Võ Thị Hà



Đoàn Văn Hùng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	1	9.543.823	128.701.818
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	2	257.426.445	256.006.647
- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư	5	(27.093.538)	(21.311.882)
- Chi phí lãi vay	6	11.988.704	-
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	8	251.865.434	363.396.583
- Tăng các khoản phải thu	9	(153.330.762)	(124.807.134)
- Tăng/giảm hàng tồn kho	10	(833.598.670)	(192.162.269)
- Tăng các khoản phải trả	11	947.449.121	(516.455.677)
- Tăng/giảm chi phí trả trước	12	75.037.031	13.392.464
- Tiền lãi vay đã trả	13	(11.988.704)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(67.770.867)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	207.662.583	(456.636.033)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(678.094.545)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	40.909.091	-
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(6.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, tiền gửi	24	56.000.000	477.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	7.510.336	21.311.882
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(579.675.118)	498.311.882
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	600.000.000	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(258.338.000)	(200.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	341.662.000	(200.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(30.350.535)	(158.324.151)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	146.736.922	305.061.073
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	116.386.387	146.736.922

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 3 tháng 3 năm 2015

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Võ Thị Hà



Đoàn Văn Hùng

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Công ty Cổ phần Kiểm định Xây dựng IDICO VINACONTROL (gọi tắt là "Công ty") được thành lập tháng 02 năm 2008.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 41.03.009322 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 02 tháng 02 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 13 tháng 05 năm 2009.

Trụ sở Công ty: Lầu 7, số 151Ter Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3.

Vốn điều lệ: 20.000.000.000 đồng (Hai mươi tỷ đồng).

Danh sách cổ đông sáng lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân hoặc địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số cổ phần
1.	Công ty Cổ phần giám định Vinacontrol	Số 54 Trần Nhân Tông, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành Phố Hà Nội	600.000
2.	Tổng Công ty Đầu Tư Phát Triển Đô Thị và Khu Công Nghiệp Việt Nam IDICO - TNHH Một thành viên,	113 Nguyễn Cửu Đàm, Phường Tân Sơn Nhì, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh	600.000
3.	Phan Văn Hùng	109 Nguyễn Thái Học, khối 1, Phường Lê Lợi, TP Vinh	300.000
4.	Trịnh Xuân Tấn	110/39 Ông Bích Khiêm, Phường 5, Quận 11, TP Hồ Chí Minh	300.000
5.	Công ty Cổ phần Tư Vấn Đầu Tư Idico	Lầu 6, số 151Ter, Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3, TP Hồ Chí Minh	200.000

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là: Kiểm định chất lượng công trình xây dựng. Dịch vụ giám định thương mại. Phân tích, thử nghiệm nguyên vật liệu và cấu kiện xây dựng. Tư vấn đầu tư, tư vấn xây dựng (trừ khảo xây dựng). Quản lý dự án đầu tư. Lập dự án đầu tư xây dựng công trình. Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng, công nghiệp. Thiết kế công trình cấp thoát nước, thiết kế công trình kỹ thuật đô thị. Thẩm tra: thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công. Thẩm tra dự toán, tổng dự toán công trình. Giám sát thi công xây dựng công trình cấp thoát nước lĩnh vực xây dựng và hoàn thiện. Giám sát thi công công trình dân dụng, công nghiệp lĩnh vực xây dựng và hoàn thiện. Đánh giá tác động môi trường. Xây dựng công trình kỹ thuật hạ tầng khu đô thị, công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật. Khảo sát địa hình. Thiết kế khảo sát địa chất công trình xây dựng. Thiết kế xây dựng công trình giao thông (cầu, đường bộ). Giám sát thi công xây dựng công trình giao thông (cầu, đường bộ). Thiết kế quy hoạch xây dựng đô thị loại 2, khu dân cư, khu công nghiệp.

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Kiểm định chất lượng, giám sát thi công.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Công cụ tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản cho vay, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh..

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Ngoại tệ

Đối với việc thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong năm tài chính thì thực hiện theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh theo quy định của pháp luật.

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Thương mại cổ phần tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<u>Nhóm tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (Năm)</u>
Máy móc, thiết bị	05 - 06
Phương tiện vận tải	06

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ và dụng cụ được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Ghi nhận doanh thu

Đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Trong năm 2014, có 0 đồng chi phí lãi vay đã được vốn hóa vào tài sản dở dang của Công ty.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền mặt	74.814.218	70.832.736
Tiền gửi ngân hàng	35.572.169	75.904.186
Các khoản tương đương tiền	6.000.000	-
Tổng	116.386.387	146.736.922

5.2 Hàng tồn kho

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	3.294.501.234	2.460.902.564
Tổng	3.294.501.234	2.460.902.564

5.3 Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tạm ứng	1.593.594.600	1.670.319.600
Tổng	1.593.594.600	1.670.319.600

CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG IDICO VINACONTROL

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.4 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Tổng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại 01/01/2014	777.213.878	1.074.988.789	1.852.202.667
Tăng trong năm	103.636.363	574.458.182	678.094.545
Mua trong năm	103.636.363	574.458.182	678.094.545
Giảm trong năm	-	210.947.880	210.947.880
Thanh lý, nhượng bán	-	210.947.880	210.947.880
Số dư tại 31/12/2014	880.850.241	1.438.499.091	2.319.349.332
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại 01/01/2014	635.413.455	289.654.677	925.068.132
Tăng trong năm	107.533.756	149.892.689	257.426.445
Khấu hao trong năm	107.533.756	149.892.689	257.426.445
Giảm trong năm	7.972.428	181.649.563	189.621.991
Thanh lý, nhượng bán	-	181.649.563	181.649.563
Giảm khác	7.972.428	-	7.972.428
Số dư tại 31/12/2014	734.974.783	257.897.803	992.872.586
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2014	141.800.423	785.334.112	927.134.535
Tại 31/12/2014	145.875.458	1.180.601.288	1.326.476.746

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2014 là 717.713.878 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG IDICO VINACONTROL

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.5 Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Vay tổ chức tín dụng	241.662.000	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	241.662.000	-
Vay tổ chức phi tín dụng	100.000.000	-
Công ty TNHH Vinacontrol	100.000.000	-
Tổng	341.662.000	-

Hợp đồng vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam có thời hạn vay từ ngày 09/06/2014 đến ngày 25/06/2015. Hạn mức vay là 300.000.000 đồng. Lãi suất cho vay là 11,3%/năm. Mục đích vay: Vay mua xe ô tô Ford Ranger.

5.6 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	551.396.222	300.988.771
Thuế thu nhập doanh nghiệp	64.783.923	130.646.025
Thuế thu nhập cá nhân	69.877.770	60.650.115
Tổng	686.057.915	492.284.911

5.7 Chi phí phải trả

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chi phí thuê nhà	42.881.021	42.881.021
Chi phí thuê thầu phụ Đakmi 4	241.483.730	241.483.730
Chi phí trích trước chi phí thí nghiệm	62.300.000	62.300.000
Chi phí thuê nhà phòng thí nghiệm	8.910.000	8.910.000
Tổng	355.574.751	355.574.751

5.8 Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	20.234.195	7.007.310
BHXH, BHYT, BHTN	6.055.529	41.805.887
Cổ tức phải trả	182.299.988	182.299.988
Phải trả khác	-	1.740.000
Tổng	208.589.712	232.853.185

CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG IDICO VINACONTROL

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.9 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2013	3.500.000.000	-	-	237.368.771	3.737.368.771
Tăng trong năm	-	178.026.578	11.868.438	4.576.728	194.471.744
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	4.576.728	4.576.728
Phân phối lợi nhuận	-	178.026.578	11.868.438	-	189.895.016
Giảm trong năm	-	-	-	237.368.771	237.368.771
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	237.368.771	237.368.771
Số dư tại 31/12/2013	3.500.000.000	178.026.578	11.868.438	4.576.728	3.694.471.744
Số dư tại 01/01/2014	3.500.000.000	178.026.578	11.868.438	4.576.728	3.694.471.744
Tăng trong năm	-	-	-	7.635.058	7.635.058
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	7.635.058	7.635.058
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2014	3.500.000.000	178.026.578	11.868.438	12.211.787	3.702.106.803

Đơn vị tính: VND

5.9 **Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

b. **Cổ phiếu**

	Năm 2014 Cổ phiếu	Năm 2013 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	350.000	350.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	350.000	350.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành cuối kỳ	350.000	350.000
Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân	350.000	350.000

5.10 **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.635.828.807	5.285.800.471
Tổng	5.635.828.807	5.285.800.471

5.11 **Giá vốn hàng bán**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Giá vốn cung cấp dịch vụ	3.890.811.449	3.520.830.530
Tổng	3.890.811.449	3.520.830.530

5.12 **Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	7.510.336	21.311.882
Tổng	7.510.336	21.311.882

5.13 **Chi phí tài chính**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lãi tiền vay	11.988.704	-
Chi phí hoạt động tài chính khác	4.838.348	-
Tổng	16.827.052	-

5.14 **Chi phí bán hàng**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí bằng tiền khác	291.444.509	164.146.000
Tổng	291.444.509	164.146.000

5.15 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí nhân viên quản lý	792.124.559	955.188.193
Chi phí vật liệu quản lý	8.718.182	5.380.475
Chi phí đồ dùng văn phòng	113.291.158	96.677.444
Chi phí khấu hao TSCĐ	109.879.563	92.787.003
Chi phí dịch vụ mua ngoài	153.760.667	171.310.908
Chi phí bằng tiền khác	268.548.955	172.089.982
Tổng	1.446.323.084	1.493.434.005

5.16 Lợi nhuận khác

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
<i>Thu nhập khác</i>		
Thu thanh lý tài sản	40.909.091	-
Tổng	40.909.091	-
<i>Chi phí khác</i>		
Chi thanh lý tài sản	29.298.317	-
Tổng	29.298.317	-
Thu nhập khác/chi phí khác thuần	11.610.774	-

5.17 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lợi nhuận kế toán	9.543.823	128.701.818
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	86.400.000
- Chi phí không được trừ	-	86.400.000
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	-
Thu nhập chịu thuế	9.543.823	215.101.818
Thu nhập tính thuế	9.543.823	215.101.818
Thuế suất thuế TNDN áp dụng	20%	20%
Thuế thu nhập năm trước chuyển qua	-	81.104.726
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.908.765	124.125.090

5.18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm 2014</u>	<u>Năm 2013</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	7.635.058	4.576.728
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	7.635.058	4.576.728
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	350.000	350.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	<u>22</u>	<u>13</u>

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc Công ty

Bên liên quan	Tính chất	<u>Năm 2014</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2013</u> <u>VND</u>
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng thành viên	Lương, thưởng và thù lao	526.575.500	573.745.406
Tổng		<u>526.575.500</u>	<u>573.745.406</u>

6.2 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.5 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

6.2 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	116.386.387	146.736.922
Phải thu khách hàng và phải thu khác	2.717.680.724	2.351.327.105
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	50.000.000
Tổng	2.834.067.111	2.548.064.027
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	341.662.000	-
Phải trả người bán và phải trả khác	1.699.361.743	1.295.677.970
Chi phí phải trả	355.574.751	355.574.751
Tổng	2.396.598.494	1.651.252.721

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị còn lại của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

6.2 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)

Rủi ro về giá

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

Tại 31/12/2014	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Phải trả khách hàng và phải trả khác	1.699.361.743	-	1.699.361.743
Chi phí phải trả	355.574.751	-	355.574.751
Các khoản vay	341.662.000	-	341.662.000
Tại 01/01/2014	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Phải trả khách hàng và phải trả khác	1.295.677.970	-	1.295.677.970
Chi phí phải trả	355.574.751	-	355.574.751

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

6.2 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Tại 31/12/2014	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	116.386.387	-	116.386.387
Phải thu khách hàng và phải thu khác	2.717.680.724	-	2.717.680.724
Tại 01/01/2014	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	146.736.922	-	146.736.922
Phải thu khách hàng và phải thu khác	2.351.327.105	-	2.351.327.105
Đầu tư tài chính khác	50.000.000	-	50.000.000

6.3 Số liệu so sánh

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 3 tháng 3 năm 2015

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Võ Thị Hà



Đoàn Văn Hùng

